TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2025
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ông Phan Văn Trường

Bà Hoàng Thị Hòa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Lý Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H chung sống với chị Dương Thị T từ năm 2007, trước khi về chung sống vợ chồng anh được tự do tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán của địa

phương. Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật nên vợ chồng không đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng đối xử với nhau bình thường và đã có với nhau hai người con chung, đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, chị Dương Thị T đi làm công nhân, thời gian đầu chị Dương Thị T còn hay về thăm gia đình nhưng khoảng 04 năm nay (cuối năm 2019) chị Dương Thị T không về nhà nữa, anh Nguyễn Văn H không biết lý do tại sao. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau, do vợ chồng không đi đăng ký kết hôn, nên anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh với chị Dương Thị T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Quang T1, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 01/11/2015. Tại đơn khởi kiện và bản khai trước đó anh Nguyễn Văn H có ý kiến là trường hợp Tòa án không công nhận vợ chồng thì anh yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Quang T1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), còn chị Dương Thị T sẽ trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quang H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H xin thay đổi yêu cầu về con chung, cụ thể anh Nguyễn Văn H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quang H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Dương Thị T sẽ trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quang T1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Dương Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, không bị ai ép buộc, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn, sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới chị và anh Nguyễn Văn H sống tại thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng đối xử với nhau bình thường. Đến năm 2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là hay cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn Văn H yêu cầu ly hôn và yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng thì chị cũng nhất trí.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Quang T1, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 01/11/2015. Trường hợp Tòa án không công nhận vợ chồng, chị Dương Thị T nhất trí với ý kiến của anh Nguyễn Văn H là chị sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Quang T1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Nguyễn Văn H sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Quang H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; trình bày ý kiến; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 14, 15, 57,58, 81, 82, 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T là vợ chồng.

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T: Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Quang T1, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 01/11/2015. Khi không công nhận là vợ chồng, anh Nguyễn Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 01/11/2015 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Dương Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 05/9/2008 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng với chị Dương Thị T, quá trình giải quyết vụ án cả anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T đều trình bày là vợ chồng chị không có đăng ký kết hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Không công nhận vợ

chồng " theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Dương Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã N, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị Thủy C sống với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 2007, sau khi về chung sống cùng nhau vợ chồng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi chửi nhau. Ngày 02 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, kết quả xác minh, qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B từ trước đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Văn H với chị Dương Thị T. Vì vậy, anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Theo khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định*: " Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ... nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị T2 là vợ chồng.

[5] Căn cứ Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T:

[5.1] Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Quang T1, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 01/11/2015. Khi không công nhận là vợ chồng, anh Nguyễn Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 01/11/2015 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Dương Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 05/9/2008 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Nguyễn Quang T1 và cháu Nguyễn Quang H1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

[5.2] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5.3] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Nguyễn Văn H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004111 ngày 28/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 14, 15, 57, 58, 81, 82, 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T:

2.1. Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Quang T1, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 01/11/2015. Khi không công nhận là vợ chồng, anh Nguyễn Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 01/11/2015 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Dương Thị T được tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Quang T1, sinh ngày 05/9/2008 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Không yêu Tòa án cầu giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Nguyễn Văn H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004111 ngày 28/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và bị đơn chị Dương Thị T có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc